

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Cuối năm - Năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	875	143	164	181	166	221
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	875	143	164	181	166	221
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
	ĐG HS về Năng lực	875	143	164	181	166	221
1	Tốt	867	138	161	181	166	221
	(Tỷ lệ so với tổng số)	99.09%	96.50%	98.17%	100.00%	100.00%	100.00%
2	Đạt	8	5	3	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	0.91%	3.50%	1.83%	0.00%	0.00%	0.00%
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
	ĐG HS về Phẩm chất	875	143	164	181	166	221
1	Tốt	872	143	163	181	164	221
	(Tỷ lệ so với tổng số)	99.66%	100.00%	99.39%	100.00%	98.80%	100.00%
2	Đạt	3	0	1	0	2	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	0.34%	0.00%	0.61%	0.00%	1.20%	0.00%
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Tiếng Việt	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	828	129	155	171	153	220
	(Tỷ lệ so với tổng số)	94.63%	90.21%	94.51%	94.48%	92.17%	99.55%
	Hoàn thành	46	14	8	10	13	1
	(Tỷ lệ so với tổng số)	5.26%	9.79%	4.88%	5.52%	7.83%	0.45%
	Chưa hoàn thành	1	0	1	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	0.11%		0.61%			
	Toán	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	823	139	161	171	133	219

2	(Tỷ lệ so với tổng số)	94.06%	97.20%	98.17%	94.48%	80.12%	99.10%
	Hoàn thành	52	4	3	10	33	2
	(Tỷ lệ so với tổng số)	5.94%	2.80%	1.83%	5.52%	19.88%	0.90%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
3	Khoa học	387	0	0	0	166	221
	Hoàn thành tốt	378	0	0	0	157	221
	(Tỷ lệ so với tổng số)	97.67%				94.58%	100.00%
	Hoàn thành	9	0	0	0	9	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	2.33%				5.42%	0.00%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
4	Lịch sử & Địa lý	387	0	0	0	166	221
	Hoàn thành tốt	380	0	0	0	160	220
	(Tỷ lệ so với tổng số)	98.19%				96.39%	99.55%
	Hoàn thành	7	0	0	0	6	1
	(Tỷ lệ so với tổng số)	1.81%				3.61%	0.45%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
5	Tiếng Anh	872	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	765	137	156	146	134	192
	(Tỷ lệ so với tổng số)	87.73%	95.80%	95.12%	80.66%	80.72%	86.88%
	Hoàn thành	107	6	5	35	32	29
	(Tỷ lệ so với tổng số)	12.27%	4.20%	3.05%	19.34%	19.28%	13.12%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
6	Tin học	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	821	140	153	170	138	220
	(Tỷ lệ so với tổng số)	93.83%	97.90%	93.29%	93.92%	83.13%	99.55%
	Hoàn thành	54	3	11	11	28	1
	(Tỷ lệ so với tổng số)	6.17%	2.10%	6.71%	6.08%	16.87%	0.45%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
7	Đạo đức	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	868	138	162	181	166	221
	(Tỷ lệ so với tổng số)	99.20%	96.50%	98.78%	100.00%	100.00%	100.00%
	Hoàn thành	7	5	2	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	0.80%	3.50%	1.22%	0.00%	0.00%	0.00%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0

	(Tỷ lệ so với tổng số)						
8	TNXH	488	143	164	181	0	0
	Hoàn thành tốt	477	135	161	181	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	97.75%	94.41%	98.17%	100.00%		
	Hoàn thành	11	8	3	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	2.25%	5.59%	1.83%	0.00%		
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
9	Âm nhạc	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	786	121	148	169	145	203
	(Tỷ lệ so với tổng số)	89.83%	84.62%	90.24%	93.37%	87.35%	91.86%
	Hoàn thành	89	22	16	12	21	18
	(Tỷ lệ so với tổng số)	10.17%	15.38%	9.76%	6.63%	12.65%	8.14%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
10	Mĩ thuật	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	800	129	143	160	148	220
	(Tỷ lệ so với tổng số)	91.43%	90.21%	87.20%	88.40%	89.16%	99.55%
	Hoàn thành	75	14	21	21	18	1
	(Tỷ lệ so với tổng số)	8.57%	9.79%	12.80%	11.60%	10.84%	0.45%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
11	Kĩ thuật	387	0	0	0	166	221
	Hoàn thành tốt	383	0	0	0	163	220
	(Tỷ lệ so với tổng số)	98.97%				98.19%	99.55%
	Hoàn thành	4	0	0	0	3	1
	(Tỷ lệ so với tổng số)	1.03%				1.81%	0.45%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
12	Thể dục	875	143	164	181	166	221
	Hoàn thành tốt	755	113	136	146	152	208
	(Tỷ lệ so với tổng số)	86.29%	79.02%	82.93%	80.66%	91.57%	94.12%
	Hoàn thành	120	30	28	35	14	13
	(Tỷ lệ so với tổng số)	13.71%	20.98%	17.07%	19.34%	8.43%	5.88%
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
13	Hoạt động trải nghiệm	488	143	164	181	0	0
	Hoàn thành tốt	473	131	161	181	0	0

	(Tỷ lệ so với tổng số)	96.93%	91.61%	98.17%	100.00%		
	Hoàn thành	15	12	3	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	3.07%	8.39%	1.83%	0.00%		
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
14	Công nghệ	181	0	0	181	0	0
	Hoàn thành tốt	169	0	0	169	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	93.37%			93.37%		
	Hoàn thành	12	0	0	12	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)	6.63%			6.63%		
	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
	(Tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp	874	143	163	181	166	221
	(tỷ lệ so với tổng số)	99.89%	100.00%	99.39%	100.00%	100.00%	100.00%
a	Trong đó:	733	103	126	121	162	221
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	83.87%	72.03%	76.83%	66.85%	97.59%	100.00%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	17	0	4	0	0	13
		1.95%		2.44%			5.88%
2	Ở lại lớp	1	0	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.11%		0.61%			

Quận 1, ngày 08 tháng 6 năm 2023



Bùi Thị Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường Tiểu học Nguyễn Huệ - Năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	84	/	7	45	4	3	25							
I	Giáo viên	46	/	3	42	1	/	/	5	19	22	41	4	/	/
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	6			6					1	5				
3	Tin học	1			1						1				
4	Âm nhạc	2			2				1	1					
5	Mỹ thuật	2			2					2					
6	Thể dục	3			2	1				3					
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2							2	2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện						1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0					0								
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

Quận 1, Ngày 08 tháng 6 năm 2023
 **HIỆU TRƯỞNG** *Mu*

Bùi Thị Thanh

